

ĐẠI TỶ-LÔ-GIÁ-NA THÀNH PHẬT KINH SỞ

QUYỂN 6

Phẩm 2: NHẬP MẠN-ĐỒ-LA CỤ DUYÊN (Tiếp Theo)

Đồ vị Mạn-đồ-la do A-xà-lê truyền nêu đầy đủ như dưới đây:

Phương trên
Phía bên phải.
Báu Như Ý của Như lai
Hay trao tất cả Tôn.
Giáp trụ của Như lai
Liên hoa Bộ nữ vâng lời dạy.
Sợi dây của Như lai
Liên hoa Bộ vâng lời dạy.
Việc làm cho ma sợ của Như lai
Hoa sen kích tam cổ.
Rốn của Như lai
Kích Hoa sen.
Mã tàng của Như lai
Liên Hoa Tôn.
Môi của Như lai
Sen Kim Cang.
Mười lực của Như lai
Bánh xe Hoa sen.
Răng của Như lai
Đao Hoa sen.
Đại Hộ của Như lai
Bồ-tát Liên Hoa Đức.
Vô Sở Úy Đại Hộ Giả
Đại Thủy Cát tường.
Như lai Vô Sở Úy

Đại Cát Tường.
 Linh Đạc của Như lai
 Tăng Cát Tường.
 Như lai Thương Khư
 Phật Cát tường.
 Như lai Tam-muội-da Kim Cang
 Bồ-tát kim Sắc.
 Như lai Chánh Cần
 Bồ-tát Danh Xưng Tuệ.
 Như lai Tam-muội da
 Bồ-tát Bạch Sắc.
 Lưỡi Như lai
 Người đại che chở, phá hoại các sợ hãi.
 Sợi lông trắng của Như lai
 Bồ-tát Đại Thế Chí.
 Tòa của tất cả Như lai
 Bồ-tát Tỳ-câu-chi.
 Như lai Đại Cần Dũng
 Bồ-tát Quán Thế Âm
 Phía bên trái
 Phương dưới.
 Diệu Kim Cang
 Hàng Tam Thế-tôn.
 Thanh Kim Cang.
 Sen Kim Cang
 Kim Cang Đạc (Cái chuông kim cang).
 Tịch tĩnh Kim Cang.
 Đại phấn Lợi Kim Cang.
 Kim Cang quyên tác.
 Răng Kim Cang
 Dao Kim Cang.
 Na-nhị-đồ Kim Cang.
 Xích Thế Kim Cang.
 Người vâng lời Phật
 Dạy Việt vô lượng hư không.
 Nguyệt yểm tôn
 Nan hàng đại hộ giả (hình người nữ)
 Kim Cang Bộ sinh.

Kim Cang Liên Tỏa
Không thể vượt hộ môn giả.
Chấp kim Cang
Phương trên
Phía bên phải.
Mắt Như lai
Đa lợi Tôn.
Tâm Như lai
Quán Âm Mẫu.
Như lai Thức Đế.
Bồ-tát Đại Bạch.
Như lai Vô Kham Nhẫn
Bồ-tát Tư Tài Chủ.
Thủy tự tại Tôn
Bồ-tát Biến Quán.
Như lai niệm xứ
Bồ-tát Cát Tường.
Dao Như lai
Bồ-tát Đối Tháp Đức.
Bánh xe Như lai
Bồ-tát Bảo Đức.
Hoa sen Như lai
Hình Y da nai.
Đảnh Như lai
Quân trì (bình) hình hoa sen.
Như lai kết giới.
Tóc mai hình hoa sen
Như lai thí nguyện.
Búa hình hoa sen
Như lai giảng nói bình đẳng.
Dây tơ hoa sen
Miệng Như lai.
Mõ hình hoa sen
Eo của Như lai
Loa ốc hình hoa sen.
Ánh lửa của Như lai
Sứ giả Bộ Liên Hoa.
Như lai móc câu

(Sứ giả Liên Hoa Bộ, Quán thế âm đầu ngựa).
 Hư không Nhãn
 Gậy hoa sen.
 Trên đây Lớp thứ nhất đã xong.
 Đồng tử Vô Cấu Quang
 Bồ-tát Hiền Kiếp.
 Phía bên trái
 Phương dưới.
 Kim Cang Mẫu.
 Kim Cang Châm.
 Kim Cang Câu
 Tương hướng thủ hộ Môn giả.
 Kim Cang Vô Thắng Đại Hộ Giả
 Sứ giả Như lai.
 Quân-đồ-lợi Kim Cang
 Kim Cang Quyền.
 Đại lực Kim Cang
 Vô hý luận Kim Cang.
 Hư Không Vô Cấu Kim Cang
 Kim Cang phủ
 Sách-đa-la Kim Cang.
 Đại thân Kim Cang
 Bánh xe Kim Cang.
 Đại Thắng Kim Cang
 Gậy Kim Cang.
 Quảng Nhãn Kim Cang.
 Bạt-chiết-la Kim Cang
 Thánh Bất Động Tôn
 Bồ-tát Đại Tuệ
 Bồ-tát Hiền Kiếp.
 Phương trên
 Phía bên phải.
 Đồng tử Quang Vãng.
 Người Nam vãng giáo
 Bồ-tát Hạnh Tuệ.
 Người Nam trông giữ bảo vệ
 Bồ-tát Thắng Diệu Thiên.
 Sứ giả Nam

Sứ giả Nữ
 Bồ-tát Bảo Nghiêm.
 Lục Diện Tôn.
 Bồ-tát Bảo Ấn Thủ.
 Hàng Diêm-ma Bồ-tát.
 Đồng tử Địa Tuệ.
 Bồ-tát Bảo Chương.
 Ưu-ba-kế Thiết-ni.
 Văn-thù-sư-lợi
 Bồ-tát Địa Tạng.
 Kế-thiết-ni.
 Chất-đa-la
 Bồ-tát Bảo-tác.
 Người Mời thỉnh.
 Bồ-tát Trì Địa.
 Nữ sứ giả.
 Nam sứ giả
 Bồ-tát Hiền Ý.
 Người nữ trông giữ bảo vệ
 Bồ-tát Bảo Quang.
 Người nữ vâng giáo
 Bồ-tát Phát tâm tức Xoay bánh xe pháp.
 Phía bên trái
 Phương dưới.
 Bồ-tát Tịch Tuệ
 Bồ-tát Kim Quang.
 Bồ-tát Vô Cấu Tuệ
 Bồ-tát Kim Sắc.
 Bồ-tát Bảo Thủ.
 Bồ-tát Vô Tận Ý
 Bồ-tát Hiền Đức.
 Bồ-tát Hoa Tràng.
 Bồ-tát Bất Tư Nghì Tuệ
 Bồ-tát Kế Đô.
 Bồ-tát Đại Bi Khởi
 Bồ-tát Vô Cấu Quang.
 Bồ-tát Vô Tượng.
 Bồ-tát Cứu Ý Tuệ

Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ.
 Bồ-tát Thí Nhất Thiết Vô Úy
 Bồ-tát Hư Không Tuệ.
 Bồ-tát Trừ Nhất Thiết Cái Chướng
 Bồ-tát Hư Không Tạng.
 Bồ-tát Hư Không Vô Cấu.
 Bồ-tát Trừ Nghi Quái
 Bồ-tát Pháp Tuệ.
 Bồ-tát Trừ Nhất Thiết Ác Thú
 Bồ-tát Tuệ Bộ.
 Bồ-tát Bi Niệm
 Bồ-tát Thích-nị-nhị.
 Bồ-tát Nê-nhị.
 Bồ-tát Trừ Nhất Thiết Nhiệt Não
 Bồ-tát Bảo Phan.
 Bồ-tát Hải Tuệ
 Bồ-tát Kim Quang, Quang Minh.
 Phương trên
 Phía bên phải. Đồng
 tử Bảo Quang. Bồ-
 tát Thiện Trụ Ý.
 Đồng tử Nguyệt Quang.
 Đồng tử Thiện Tài
 Bồ-tát Hiền Kiếp.
 Trên đây là lớp thứ hai xong.

 Thần Hỏa Thiên Hộ Phương
 Thần Y-xá-na Hộ Phương.
 Hỏa Thiên
 Quyển thuộc chúng Cừu-bàn-trà.
 Hỏa Thiên Hậu
 A-danh-yết-noa.
 Bà-tư-sắt-tra Đại tiên
 A-thấp-phạ-yết-noa.
 Kiệt-già Đại tiên
 Thú-bà-yết-noa.

Vị-kiến-đồ Đại tiên
 Thần Tạng Bảo Tạng.
 Cù-đàm Đại tiên
 Đồ-cát-ni, Đồ-ca.
 Ca-diếp Đại tiên
 Bồ-tát Đồng tử.
 Các thân chấp diệu, ...
 Chúng Tỳ-kheo.
 Vợ Tỳ-thệ-da
 Bồ-tát Ly Trần Dũng Mãnh.
 Nhật Thiên tử
 Phật Định Thắng Thủ Đức ở phương Đông Bắc.
 Vợ Thệ-da
 Chúng Bồ-tát.
 Phía bên trái
 Phương dưới.
 Bồ-tát Diệu Tuệ
 Bồ-tát Diệu Tràng.
 Bồ-tát Vô Biên Tràng.
 Bồ-tát Hiền Kiếp
 Bồ-tát Hiền Kiếp.
 Thần Niết-lý-để Hộ Phương
 Thần Phong Thiên Hộ Phương.
 Nữ La-sát
 Vợ Phong thần.
 Chúng La-sát
 Ca-lâu-la Nữ.
 Bồ-tát Hiền Kiếp
 Ca-lâu-la.
 Bồ-tát Đồng nam
 Chúng Tỳ-kheo.
 Quyển thuộc phi nhân
 Quyển thuộc của tất cả mọi người.
 Bồ-tát Nhật Quang.
 Phật Nhật Luân Biến Chiếu Thắng Đức
 Ở phía Tây nam
 Bồ-tát Đồng Nam.
 Chúng Tỳ-kheo.

Chúng Bồ-tát
 Bồ-tát Bảo Tràng.
 Chúng Tỳ-kheo
 Phật Nhật Bảo Cái ở phía Tây Bắc.
 Phương trên
 Phía bên phải.
 Na-la-diên và quyến thuộc
 Chúng Tỳ-kheo.
 Ma Thiên Tha Hóa Tự Tại thiên
 Bồ-tát Đồng Nữ.
 Trời Hóa lạc
 Phần Nhiều Là Nữ Bộ.
 Trời Đâu-suất-đà
 Đa Số Bộ Loại Được-xoa.
 Trời Diệm-ma
 Tướng Được-xoa ở núi Tuyết.
 Đê-đâu-lại-tra
 Thiên vương và chúng Kiên-thác-bà
 Ở phương Đông.
 Tướng Sa-đa-kỳ-lý Được-xoa.
 Xá-chi Phu nhân
 Tướng Bán-già-la Được-xoa.
 Đế-thích cõi trời Tam thập tam
 Tướng Tỳ-sái-ca Dạ-xoa.
 Bồ-tát Đồng Tử
 Tướng A-tra-phạ-ca Được-xoa.
 Chúng Tỳ-kheo
 Tướng Tỳ-sa-môn Tử Được-xoa.
 Bồ-tát Hoan Tử.
 Bồ-tát Phương Tiện Hoa Hỷ Đức
 Thần Na-di-bạt-đà-la.
 Chúng Bồ-tát
 Vợ Thần Hộ Phương.
 Bồ-tát Đồng Nữ
 Câu Phệ La Hộ Phương Thần Tỳ-sa-môn.
 Trời Cát Tường Công Đức
 A-nan-đà
 Tướng Mãn Hiền Được-xoa.

Xá-lợi Tử.
 Đại Mục-liên
 Đại Tướng Tán-chi.
 Đại Ca-diếp
 Bồ-tát Đồng Nam.
 Phía bên trái
 Phương dưới.
 Bồ-tát Đồng Tử
 Chúng Tỳ-kheo.
 Bí-lăng-nghị Lật-tri
 Chúng Đồng Nữ.
 Các Tỳ-na-da-ca
 Bồ-tát Hiền Kiếp.
 Ma-ha Ca-la
 Long vương Tiểu Ngật-lật-sắt-noa
 Ngật-tây-sắt-noa nhị Long vương.
 Long vương Ưu-bà-lộ-hệ-đa
 Nhị Long vương.
 Mười quyển thuộc Tỳ-lô-già
 Lộ-hệ-đa-nhị Long vương.
 Ưu-bà-tý-đa nhị Long vương.
 Mười quyển thuộc Tỳ-xá-chi.
 Hai Long vương Ưu-bà-thúc-ngật-lao.
 Hai Long vương Thúc-ngật-lao.
 Long vương Sa-già-la.
 Địa ngục Nóng lạnh
 Long vương A-na-bà-đạt-đa.
 Địa ngục Nhiệt nã
 Long vương Hắc-xoa-ca-la.
 Long vương Ma-ca-tư.
 Vua Tỳ-lâu-bác-xoa
 Long vương Cự-lợi-ca.
 Long vương Yết-câu-tra-ca.
 Vợ Diêm-ma Một-lật-để
 Long vương Hòa-tu-cát.
 Vợ Diêm-ma
 Long vương A-nan-đa.
 Diêm-ma Đản-đồ

Long vương Đại Liên Hoa.
 Long vương Ba-đầu-ma.
 Phương Trên
 Phía bên Phải.
 Vô lượng âm thanh Phật Đảnh
 Chúng Tỳ-kheo.
 Quảng Đại Phật Đảnh
 Bồ-tát Thắng Thọ.
 Hỏa Tụ Phật Đảnh
 Phật Thắng Đức ở phương Bắc.
 Thắng Phật Đảnh
 Chúng Bồ-tát.
 Gây Như lai
 Chúng Tỳ-kheo.
 Bát của Như lai
 Bồ-tát Đồng Nữ.
 Răng Như lai
 Bồ-tát Hiền Kiếp.
 Sợi lông trắng
 Thần đứng đầu Ruộng Nương.
 Vô Năng thắng Tôn
 Thần đứng đầu chuông voi, ngựa.
 Phật Thích-ca Mâu-ni.
 Vợ của Vô Năng Thắng
 Chủ Vua Kho Tàng.
 Phật Mẫu
 Thần đứng đầu Ngoại Đạo Xứ Phước.
 Như lai Thước-đế-ấn
 Thần đứng đầu Hang Kín.
 Bồ-tát Đồng Nam
 Thần đứng đầu các kho tàng ẩn kín trong lòng đất.
 Tỳ-kheo Tăng
 Thần đứng đầu sa mạc.
 Bồ-tát Phổ Quang
 Thần đứng đầu Rừng thây chết.
 Phật Bảo Tánh ở phương Đông
 Thần đứng đầu Ao hồ.
 Chúng Bồ-tát

Thần đứng đầu Chúng Rồng.
 Tỳ-kheo Tăng
 Thần đứng đầu các giếng.
 Bồ-tát Đông Nữ
 Thần đứng đầu Cung điện đẹp đẽ giữa hư không.
 Phía bên Trái
 Phương Dưới.
 Pháp Vương Diệm-ma-la
 Long vương Thương-khư.
 Người hỏi ngục Chất-đán-la-cấp-đa
 Vợ của Phước-lỗ-noa.
 Long vương Phạ-lỗ-noa.
 Trời ban đêm
 Thiên vương Lỳ-lâu-lặc-xoa Hộ Phương.
 Trời Biện Tài.
 Bồ-tát Đông Nam
 Người Giữ Cửa Ưu-bà-tốn-na.
 Chúng Tỳ-kheo
 Cửa chung.
 Bồ-tát Ly-ítu
 Người Giữ Cửa Tốn-na.
 Phật Vô Ưu Đức ở phương Nam
 Thần Đất.
 Chúng Bồ-tát
 Long vương và vợ, quyến thuộc.
 Chúng Tỳ-kheo
 Bồ-tát Đông Nam.
 Bồ-tát Đông Nữ
 Chúng Tỳ-kheo.
 Các Địa ngục khác nhau
 Bồ-tát Hạnh Tuệ.
 Bồ-tát Hiền Kiếp
 Phật Bảo Diệm ở phương Tây.
 Già-muộn-noa
 Chúng Bồ-tát, chúng Tỳ-kheo.
 Kiều-phệ-ly
 Bồ-tát Đông Nữ.
 Vị-phệ-sắt-noa

Thấn đứng đầu thường lấn chiếm.
Thấn đứng đầu Lịch.
Kiều ly
Thấn đứng đầu về Thời gian.
Hy-nại-ly
Thấn đứng đầu tạo nghiệp.
Ta-nại-ly
Thấn đứng đầu về Sao.
Phương Trên
Phía bên phải.
Ca-sa Phật
Thấn đứng đầu cung điện.
Bình Quân Trì Cửa Phật
Thấn đứng đầu Biển.
Bạch Tán Phật Đảnh
Thấn đứng đầu Nhà Cửa, Thấn đứng đầu ngõ hẻm.
Tối thắng Phật Đảnh
Thấn đứng đầu Phương hướng.
Tồi Toái Phật Đảnh
Thấn đứng đầu Đường Lối.
Thấn đứng đầu Sông.
Tối Cao Phật Đảnh
Thấn đứng đầu Đường đi.
Bích-chi-Phật
Thấn đứng đầu chỗ hoang vắng.
Thấn đứng đầu ngoại ô.
Đại Phạm Và Minh Phi Quyển Thuộc
Thấn đứng đầu chỗ Bán Hàng Hóa.
Trời Tứ Thiên
Thấn đứng đầu thành.
Trời Vô sắc.
Thiên tử Tịnh Cư Tự Tại
Thấn đứng đầu Thôn xóm.
Thiên tử Phổ Hoa
Thấn đứng đầu các Châu.
Thiên tử Quang Man
Thấn đứng đầu về Chim.
Thấn đứng đầu Núi.

Thiên tử Ý Sinh
 Thần đứng đầu Tất-địa Vật.
 Thiên tử Danh Xưng Viễn Văn
 Thần đứng đầu Tất-địa.
 Vợ của Đại Tụ Tại và quyến thuộc
 Thần đứng đầu Thuốc Tiên.
 Trời Đại tụ tại và quyến thuộc
 Thần đứng đầu đếm thuốc.
 Phía bên Trái
 Phương dưới.
 Vị La Nhị
 Thần đứng đầu túc đối.
 Vợ của Khẩn-na-la
 Thần đứng đầu đêm.
 Khẩn-na-la, Bồ-tát Đồng Nam
 Thần đứng đầu mặt trời, mặt trăng.
 Chúng Tỳ-kheo
 Thần đứng đầu sáu thời.
 Bồ-tát Liên Hoa Thủ
 Thần đứng đầu ngay thẳng.
 Phật Liên Hoa thắng Đức ở phương Đông nam
 Thần đứng đầu hai mươi tám ngôi sao.
 Thần đứng đầu mười hai cung điện.
 Chúng Bồ-tát
 Nguyệt Hậu Tên Xích Sắc.
 Chúng Tỳ-kheo
 Nguyệt Hậu Tên Nguyệt Tường.
 Bồ-tát Đồng Nữ
 Thiên tử mặt trăng.
 Mộ-ha-năng
 Nguyệt Hậu Tên Nguyệt Tướng.
 Thần Lửa Diệm danh
 Bồ-tát Đồng Nam.
 Kiếp Vi
 Chúng Tỳ-kheo.
 Mãng-năng-sa
 Bồ-tát Liên Hoa Thắng.
 Ngật-sái-dã

Phương Dưới, Phật Liên Hoa Đức ở phương dưới.
Xã-tra-la
Chúng Bồ-tát.
Câu-lộ-đản-nang
Chúng Tỳ-kheo.
Một-lật-noa
Bồ-tát Đồng Nữ, Bồ-tát Hiền Kiếp.
Lộ-hệ-đa
A-tu-la nữ quyến thuộc.
Mang-lỗ-đa
A-tu-la quyến thuộc.
Phương trên
Phía bên phải.
Con và vợ của Ma-hê Thủ-la
Thần đứng đầu Thuốc.
Vợ của Trì Minh
Vợ của Tát-địa Trì Minh.
Tiên Trì Minh
Tiên Tát-địa Trì Minh
Phía bên trái
Phương dưới.
Nại-lỗ-ca.
Sa-ma Hê-nại-la
Ma-hầu-la-già nữ.
Các Hỏa Tiên,...
Ma-hầu-la-già

(Trên đây là lớp thứ ba đã xong)

A-xà-lê nói: Viện thứ nhất ở phương Đông, từ Như lai Câu cho đến Như lai giáp... Đều là Tam-muội Tỳ-lô-giá-na, mỗi vị có hình Thiên nữ, giống như Mạn-đồ-la chu vi để phân biệt màu sắc của kia, ngồi trên đài sen trắng, trong tay lại cầm hoa sen, trên hoa đều dùng vật tượng để làm cờ nêu, như lưỡi câu, đao, linh chuông, dây tơ lụa, áo giáp, mũ trụ... của Thương Khư, nếu nương theo ảnh gốc mà vẽ thì đánh tướng, sợi lông trắng, miệng, lưỡi, răng, môi... lệ theo đây có thể biết. Rốn Như lai ở trong sen trên đồ tượng Vẽ nối liền nhau tròn đẹp, lưng Như lai cũng hơi xoay cong như hình râu chuối, Như lai tạng hình giống như tướng Mã Bảo của Luân vương không hiện, Như lai thí nguyện sẽ làm nguyện thủ, Pháp Như lai và các biện thuyết... hoặc giữ Kinh tạng, hoặc

làm tay nói pháp, niêm, xứ, mười Lực... đều là pháp tương ứng với chỉ quán, làm Chánh tịnh vắng lặng, Tam-muội-da phải làm tướng đảnh Phật, tướng đảnh Như lai nhiếp đủ tất cả công đức, hễ trong tay không có vật để làm cờ nêu thì đều nên sắp đặt. Nếu Mạn-đồ-la không làm tôn hình, chỉ nêu ẩn bí mật, ở trên tòa Kim Cang làm đài hoa sen, trên đài như trước vẽ làm cờ nêu.

Kia làm Tự Mạn-đồ-la: Trong kinh có hạt giống tự, phải đúng như pháp an trí, nếu trong kinh không chép thì phải lấy chữ ban đầu trong tiếng Phạm làm hạt giống, hoặc có thể dùng chung chữ A. Các tôn vị trong Liên Hoa bộ ở phương Bắc, nếu trong kinh không nói hình tướng thì thông thường làm hoa sen màu hồng, hoặc màu trắng tinh, hoặc màu vàng ròng của chư tôn... thì nường vào tên mà phân biệt ẩn tướng cầm, cũng như trong Phật Bộ nói, nhưng dùng hoa sen làm cờ nêu. Như hình bánh xe hoa sen, phải dùng bốn cành hoa sen như hình chữ thập để làm cầm, phía bên ngoài cầm làm mũi nhọn chung quanh, đao hoa sen phải ở trên hoa sen mà đặt đao, trên mũi nhọn của đao lại dùng hoa sen để làm tướng nêu, chày kích Kim Cang... đều cũng giống như vậy.

Liên Hoa quyên tác là dùng hoa sen làm hai mầm non, mỗi thì dùng hoa sen để buộc, vòng hoa thì xoắn hoa sen để trang nghiêm thân, hoặc đặt trên hoa đang cầm, đội tháp Cát tường, trên búi tóc đặt tháp, hoặc trên hoa cầm, Liên Hoa Tôn thì trên hoa lại đặt hoa sen, trên hoa sen Bảo Đức Tôn có vật báu, có thể trao tất cả nguyện Minh Vương, làm thỏa mãn tất cả nguyện ít có, đáng mạo kia không phải như Quán Thế Âm tay cầm hoa sen, trên hoa sen hoặc đặt ngọc như ý, thuận theo pháp tức tai, tăng ích và hàng phục, trong đàn tương ứng kia, hai tay Đại Cát Tường mỗi tay đều cầm hoa sen, nước Cát tường hoặc trong hoa sen chảy ra, hoặc duỗi tay nước chảy ra, tôn vị mặc da nai phải lấy da nai trang nghiêm thân, như tượng Phạm Thiên kia phù hợp với ẩn Mạn-đồ-la so sánh giống như trước đã nói, thông thường dùng chữ Sa làm hạt giống.

Phương Nam các Tôn vị Kim Cang Bộ ở phương Nam cũng có thể nường vào kinh, trước hết nêu tên các ngài đều an trí đầy đủ, tùy theo làm đàn, hình vuông, hình tròn, hình tam giác, bán nguyệt... màu sắc trên thân cũng giống như vậy, hoặc giữ một phần Bạt-chiết-la, hoặc giữ ba phần, năm phần, hai mũi nhọn... trên dưới các thứ nêu tướng Kim Cang, như trong kinh nói, tùy ý mà đặt, đao, búa, lưỡi câu, cây kim... kia đều ấy Kim Cang làm cờ nêu, đao thì trang trí ở mũi nhọn và cái chuôi, đều làm hình chày Kim Cang đầu sắc nhọn, dây lụa nối liền hai đầu đều

như tượng Bạt-chiết-la ba nhánh, chuyển lấy mười chữ Kim Cang làm vành nan xe nhọn sắc bao bọc chung quanh, chuông (đặc) dùng Kim Cang một nhánh làm trên, buộc chữ thập Kim Cang làm quả lắc, ngoài ra đều lệ theo có thể biết; phù hợp với Mạn-đồ-la, cũng ở trên tòa Kim Cang đặt hoa sen trắng, trên hoa các vật kia bày ra; nếu làm Tự Mạn-đồ-la, Chấn kim cang và toàn bộ quyển thuộc thường dùng chữ phước, các Kim Cang khác thường dùng chữ Hâm làm hạt giống.

Viện thứ hai, các chúng Bồ-tát, nếu trong kinh chép đầy đủ hình tướng ấy thì tất cả đều như lời dạy trong đồ tượng kia mà vẽ, không có văn thì người thường dùng ấn Chân Đà-na-ni, phải cầm hoa sen, trên hoa đặt ngọc như ý, ánh sáng bao bọc chung quanh, hoặc tùy theo ý nghĩa trong tên kia để hiển bày tướng kia, như Bồ-tát Bảo Quan thì ở trên hoa đặt cái mũ, Bồ-tát Bảo Vọng thì ở trên hoa đặt cái lưới, Bồ-tát Bảo Chưởng thì đặt trong tay vật báu; trong tay phát tâm Xoay bánh xe pháp ấn thì cầm bánh xe, tất cả các tôn vị thiếu sót, đều đặt Bồ-tát Hiền Kiếp, các sứ giả vâng theo lời dạy của Bồ-tát, đều làm hình dáng nhỏ thấp, Sứ giả kia cầm đao gậy ở cửa Như lai ngăn giữ, người vâng theo lời dạy hoặc tay cầm ấn giơ lên; hoặc chiêm ngưỡng vị tôn quý, nếu nhận mệnh lệnh sai khiến thì người trông giữ có đều thưa hỏi rõ ràng, đều tùy theo loại.

Hàng Diêm-ma Tôn là quyển thuộc của Văn-thù đầy đủ oai thế lớn lao, thân kia có sáu mặt, sáu tay và sáu chân, trâu là tòa ngồi, có ba mắt, màu sắc như mây đen tím, có hình dáng rất giận dữ, phải tìm bản Phạm Văn-thù mới đầy đủ, các Tôn vị này, nếu trong Kinh khác nói hình tướng Các ngài đầy đủ, cũng có thể trong thời gian nường theo bản đồ kia vẽ nhập Mạn-đồ-la. Các Tôn vị này, kinh Tỳ-lô-giá-na không chép Chân Ngôn thủ ấn, tức riêng nêu kinh khác thì phải nường vào kinh kia trao cho Chân ngôn thủ ấn, giúp nường theo phương pháp thực hành thứ lớp cúng dường của kinh này.

Các Đức Phật trong mười phương... ở Viện thứ ba đều nường vào tướng bình thường trong đồ tượng, nếu làm ấn khế, phải lấy đỉnh tướng Như lai, hạt giống thì lấy chữ A, Thanh văn, Duyên giác đều giống nghi thức Tỳ-kheo, trong đó, Duyên giác có khác một ít: nghĩa là hoặc có tướng Nhục kế... của Đại Nhân, nếu khế hiệp nên dùng Bát, ca-sa, tích trượng... chữ hạt giống kia như chân ngôn trong kinh đã nói. Trước Nhật Thiên ở phương Đông có thể đặt Thiên nữ Ma-lợi-chi, như Đà-la-ni tập có nêu. Tám vị tướng Dạ-xoa ở phương Bắc trong đồ tượng thiếu ít vị, hình các vị ấy đại khái tương tự, đều mặc áo giáp, đội mũ trụ, cầm

ấn Già-đà, thân tướng ngay thẳng tròn đầy, vì chỗ mong cầu của vị ấy không thiếu nên thường an vui tự tại.

Đê, Ngựa, Voi... đều là quyến thuộc của Cưu-bàn-trà, thân kia không giống Dạ-xoa, đều rủ lông bày thân, có hình tướng phi nhân, ấy là đồng với loài súc sinh, đồ tượng cho là trì Minh Tiên, do năng lực các thứ thuốc... mà thành; Tất-địa Trì Minh Tiên: Đều là người chuyên nương vào chú thuật mà được Tất-địa. Nói thẳng rằng, các vị tiên ấy: Đều là loại Vi-đà thờ lửa, siêng tu khổ hạnh thành Tiên có năm thần thông. Lại có Dạ-xoa trì Minh, là loài Phước đức hơn cả trong các loài ấy, thuộc về đường trời, khác với Tiên ở đời. Các vị Thần ở núi, sông, ao, hồ, rừng cây, lúa, thuốc, thành, ấp, đường đi... đều lấy tên gốc làm tướng cờ nêu, thần núi ngồi ở núi, thần sông ở sông, cây, thuốc... kia hoặc tay cầm nắm hoặc nương trên nó, phải theo nghĩa từng loại để suy xét, trong kinh Hoa Nghiêm lại có hai loại thần là thần Túc Hành và thần Thân Chúng.

Đó là loại thần giữ gìn đường đi và thần giữ gìn thân, cũng có thể theo thứ lớp bày ra. Đường chẳng phải loài người ở phương Tây, phải biết trong thân Phổ môn của Tỳ-lô-giá-na, hoàn toàn là các loại quỷ thần, bàng sinh... trong đồ tượng không có danh tướng riêng của họ, phần nhiều ở trong đó. Lộ-hệ-đa là màu đỏ, tịch-đa là màu vàng, cật-lật-sắc-noa là màu đen, màu xanh của kia cũng thuộc trong đó, nếu nương vào nghĩa nói ở phương này thì mỗi màu phải chia riêng ra, cật-lao là màu trắng, đều là tất cả loài rồng chúa đều nương vào sắc này mà vẽ, hoặc Gia-ổ-ba-tự màu sắc hơi nhạt, tống-na-ổ-ba-tống-na cũng là rồng đầu đàn lớn giữ cửa, đều tay phải cầm đao, tay trái cầm dây lụa. Thần đứng đầu về năm, tháng, thời giờ... đều có hình tướng Thiên nữ, cầm cành hoa... để làm tướng nêu.

Nếu người đứng đầu việc tốt thì hoa kia cũng khiến sắc tướng tròn đầy, nếu người đứng đầu việc xấu thì màu sắc hoa quả... héo úa. Thần đứng đầu sáu thời kia cũng có thể cầm sáu cành hoa làm hình tượng tùy theo thời tốt hay xấu để tiêu biểu việc kia. Người đứng đầu ngày đêm cũng có thể y theo hoa nở, hoa búp để biết, những thứ khác đều mô phỏng theo đây.

Bí-lăng-ngật-lật-tri ở phương Nam, là con của Ma-hê-thủ-la, hình tướng rất khô gầy và thường hàng phục kẻ thù, dù cho xương thịt tan hết cũng muốn được chiến thắng. Do đó mà làm hình tướng này.

Đó là luận Trí Độ đã nói: Thường tu khổ hạnh cắt thịt cúng tế lửa, cảm sinh các thần ác, vì thế trụ ở phương Nam, mười hai hỏa thiên kia

trong kinh có nói sơ lược hình tượng, có một vị thần thiếu tên, chỉ nương vào hình tượng chung của các vị hỏa thiên. Các vị khác như trong đồ tượng đã chỉ bày. Kinh chép: Bảy giờ, Chấp kim cang Bí Mật Chủ, ở trong tất cả chúng hội, quán kỹ đại nhật Như lai, mắt không rời, khi ấy Đức Phật như Phổ môn Mạn-đồ-la đã thị hiện, mà giảng nói ngôi vị của các tôn vị xong. Bí Mật Chủ dùng phổ nhãn quán sát từng tôn vị này đều không thấy nguồn gốc, cũng không chỗ trụ ở, đều là thân tướng của Liên hoa đài tạng, sinh ra các phương tiện không thể cùng tận, bảy giờ, tự rất vui mừng phát tâm ít có, đối với pháp này càng sinh ý tưởng khó gặp, muốn lại hỏi nghĩa sâu xa, do đó nói kệ này.

Đầu kệ ý nói: tất cả người trí tuệ, xuất hiện ở thế gian, như hoa linh thoại kia, lâu lắm mới hiện một lần, hoa Ưu-đàm tuy là khó gặp, nhưng pháp yếu chân ngôn này lại càng khó gặp hơn. Vì sao? Vì đây là bí tạng của Như lai trong đêm dài giữ gìn không trao cho người, một cách bừa bãi, nếu không phải căn cơ đốn ngộ thì không thể hạ thủ công phu, Thế-tôn lúc còn ở đời vẫn bị nhiều kẻ oán ghét, hướng chi đời mặt pháp ?

Lại nữa, kinh này, tự giải thích nhân duyên khó hiện, nếu chúng sinh một phen thấy Mạn-đồ-la thì nghiệp ác chướng nặng từ vô thủy đến nay, đều dứt trừ không còn, chắc chắn được thọ ký đại Bồ-đề, người độn căn phước mỏng không thể được. Một lần thấy còn khó, hướng chi lần lượt tu hành lại càng ít có hơn, thường được hải hội Phổ môn khen ngợi, danh tiếng vang khắp mười phương, lại đồng đại nhật Như lai lại có nhiều danh hiệu, cho nên nói Vô thượng xưng.

Kinh chép: Thực hành câu Vô thượng tức là tu hành câu Vô thượng Bồ-đề. Tự môn A này đứng đầu tất cả chân ngôn, giống như Thế-tôn là người đứng đầu tự tại đối với các pháp, do đó gọi là chân ngôn cứu đời.

Câu thứ hai nói, sự nghiệp cứu đời, việc làm có công năng giúp cho hành nhân thành tựu tánh, kim cang cắt đứt các nẻo ác, tất cả khổ không sinh. Kinh chép: nếu tu hành như thế thì trí tuệ sâu mầu bất động, nếu có gốc chân thì phải nói trí tuệ rất sâu, không lay động. Tâm như biển lớn vì rất sâu rộng, lại xa lìa hai bên, cho đến khi gió lớn nổi lên cũng không thể lay động. Nếu khi hành giả vào biển tâm lớn chân ngôn này, thì cũng giống như vậy. Vì diệu tuệ kia cũng sâu xa vô lượng lại xa lìa hai bên, tất cả các pháp không thể làm lay động, như khi long vương Ta-kiệt-la mưa xuống sáu tầng trời thì ở trong cung của họ ba nghiệp đều bất động, nếu hiểu nghĩa này thì biết các thứ phương tiện Mạn-đồ-

la, thầy đều an trụ ở mé thật.

Kinh chép: Khi nhóm họp khắp tất cả đại chúng và các trì Kim cang, dùng một âm thanh khen ngợi Kim cang thủ, các đại chúng kia, nghe Phật nói rộng giai vị Mạn-đồ-la xong, muốn hỏi cớ nêu và sự ngiệp của Kim cang trong pháp giới này, vì kính trọng Thế-tôn cho nên chưa dám mở lời.

Lại, Kim cang thủ có thể quán sát các tâm nương vào căn cơ nói kệ, ắt biết muốn xé rách lưới nghi, lợi ích khắp vô lượng chúng sinh, thế nên khen ngợi chứng minh, khuyến khích phát lời thưa hỏi. Lại các chúng nhiều như số cát bụi trong mười cõi nước Phật dùng nhất tâm nhất vị, khiến một người tụng pháp âm này, chẳng phải nói vì mọi người cùng một lúc mà nói riêng.

Kệ nói: Lành thay, lành thay! Rất mạnh mẽ, ông đã tu hành hạnh chân ngôn, có khả năng thưa hỏi tất cả nghĩa chân ngôn, chúng ta đều có ý suy nghĩ. Chân ngôn hạnh tức là pháp môn ba bình đẳng, trong những người trì tam mật thì ông là trên hết, do đó có thể hỏi Đức Thế-tôn nghĩa sâu xa của Phổ môn, như nhân giả muốn hỏi nghĩa Đức Phật, chúng ta cũng đều có suy nghĩ như vậy, nay đều đồng tâm suy nghĩ muốn phải nhanh chóng nói ra.

Lại nói tất cả hiện ra là sự chứng nghiệm của ông, nương vào năng lực thực hành chân ngôn, nói chúng ta khi mới phát tâm, nhờ trụ trong câu vô thượng này, cho đến có thể ở trong biển tuệ Kim cang sâu xa mà không lay động. Vì thế cho nên chắc chắn được Sư Tử hồng, đối với kệ ông đã nói ở trước hiện làm chứng minh, tất cả việc làm của chúng ta đều do trụ ở chân ngôn hạnh và nương vào thế lực chân ngôn mà cùng được thành tựu. Nếu ông muốn hỏi Như lai phương tiện bí mật, và những người cầu Đại thừa, thì phải thực hành pháp chân ngôn cho được thông đạt, do thông đạt nên không bao lâu cũng siêng tu, cũng không khác với chúng ta, do hiểu nghĩa lợi ích như vậy, nên đem một âm thanh đồng tâm khuyến giúp. Bấy giờ, Bí Mật Chủ được đại chúng khuyến phát rồi, liền nói già-tha, hỏi rộng Đức Thế-tôn, kệ thứ nhất hỏi nghĩa màu sắc có bốn câu: câu thứ nhất hỏi nghĩa thế nào là màu sắc, câu thứ hai hỏi phải dùng màu nào? Câu thứ ba hỏi làm sao xếp đặt màu sắc này? Ở chỗ nào trước? bên trong hay ngoài? Câu thứ tư chia bày màu sắc, màu nào làm trước? Đây là một loại chi phần của Mạn-đồ-la hiện nay.

Kệ tiếp theo hỏi về tướng nêu của các môn, có ba câu kệ: câu thứ nhất hỏi hình, lượng của môn cờ. Câu thứ hai hỏi hình, lượng của môn

sương. Câu thứ ba hỏi cách kiến lập các môn và phương pháp đo hình, lượng, các cờ nêu bí mật như vậy, A-xà-lê đều phải khéo thông đạt, lại là một chi phần.

Kế đến có hai bài kệ, đại khái có tám câu hỏi. Câu hỏi thứ nhất: Vì sao dưng cúng thức ăn và hương hoa...? Câu hỏi thứ hai hỏi về phép tắc của bình báu, phải biết tất cả các vật cúng dường đều ở trong đó. A-xà-lê phải tùy theo sự tướng phân biệt tánh loại của kia, lại là một thứ chi phần, câu hỏi thứ ba vì sao dẫn gọi đệ tử nhập vào Mạn-đồ-la? Câu hỏi thứ tư vì sao làm pháp quán đảnh? Câu hỏi thứ năm vì sao dưng cúng các tôn vị. Nhưng trong đây lại có hai thứ: nếu người tu hành tâm ban đầu nương theo thế để Mạn-đồ-la thì làm sao người nhập quán đảnh và dưng cúng A-xà-lê. Nếu đã tu tập Du-già bí mật quán đảnh thì làm sao A-xà-lê nhập quán đảnh và dưng cúng.

Chính khi tác pháp thì tất cả gia trì, giáo thọ phương tiện đều nhiếp vào trong đây, lại là một thứ chi phần. Câu hỏi thứ sáu là nơi chốn Hộ-ma, cũng có hai cách giải thích sâu, cạn và các phương tiện khác nhau như tức tai, Tăng ích, Hàng phục... Câu hỏi thứ bảy là bộ loại chân ngôn, tự nghĩa cú nghĩa. Câu thứ tám hỏi tướng cạn sâu khác nhau của Tam-muội môn.

Phàm A-xà-lê chưa khéo thông đạt pháp ấy thì không nên kiến lập Mạn-đồ-la. Lại trở thành ba thứ chi phần, hỏi như thế xong “Đại Tịch Pháp Vương” bảo Chấp kim cương rằng ông phải lắng lòng nghe kỹ, kể nói kệ rằng đạo chân ngôn hơn cả, sinh ra quả Đại thừa, quả Đại thừa tức là trí tuệ của Đức Phật, phải nhờ phương tiện như thế mà được sinh khởi, do công khéo nói mà thừa hỏi ta.

Nay khắp vì các Ma-ha-tát giảng nói mở bày. Bài kệ đầu trả lời nghĩa sắc rằng: Nhiễm chúng sinh giới kia cho đến vị pháp giới, cổ Phật đã giảng nói, đó gọi nghĩa là sắc, giống như nhuộm màu ở thế gian, có thể nhiễm tịnh chồng chất lên nhau, khiến đồng vị. Nhờ vị mà hiểu sắc, như nói vị ca-sa: tức là nhuộm màu ca-sa. Nay nghĩa sắc Mạn-đồ-la này cũng giống như vậy. Do sắc pháp giới không thể suy nghĩ bàn luận, nhuộm tâm chúng sinh đồng một vị Bồ-đề thanh tịnh.

Lại nữa, như thế gian nhuộm áo, trước dùng tro nước giặt sạch thì dễ dàng ăn màu. Nay dùng tự môn A thiêu đốt tâm dơ của đệ tử, khiến thành tro tàn, sau đó dùng tự môn pha nước đại từ bi mà rửa, khiến hoàn toàn trong sạch, xa lìa nói suông, sau lại nhuộm thành pháp giới Mạn-đồ-la, khiến các thân Phổ môn đều đồng màu tướng thật. Tiếp theo có hai bài kệ trả lời chung ba câu hỏi, trong đó nói: phải dùng màu nào?

Nay ở đây trả lời phải dùng đủ năm màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen.

Kệ rằng: trước sắp đặt màu trong, không sắp đặt màu ngoài, đó là trả lời câu hỏi sắp đặt màu sắc như thế nào, chỗ nào trước, chỗ nào sau. Trắng tinh là trước tiên, màu đỏ thứ hai, như thế vàng và xanh lần lược nêu bày, sâu kín trong tất cả, nói sắc trước sau như thế: đó là trả lời màu nào: trắng tinh là màu sắc pháp giới thanh tịnh của Tỳ-lô-giá-na, là nguồn gốc của tất cả chúng sinh, cho nên trước hơn cả, đỏ là màu cờ báu của Như lai đã phát tâm Bồ-đề ở trong đạo sáng. Hàng phục ma oán, diệt trừ cái chướng, cho nên thứ hai, màu vàng là màu Ta-la thọ vương, khi thành chánh giác muôn đức tròn đầy, đều đến mé thật Kim cang, do đó xếp vào thứ ba, xanh là màu Vô lượng thọ, đã đến mé thật Kim cang liền đem phương tiện gia trì, khắp hiện đại bi Mạn-đồ-la, như giữa hư không trong sạch chứa đủ muôn vật, vì thế xếp vào thứ tư. Màu đen là màu Cổ Âm Như lai, vì thế gần dấu vết Phổ môn đều để hiển bản. Bản: tức là địa tự tướng của Như lai, trụ đại Niết-bàn, nếu bỏ thân lực che chở thì tâm tất cả chúng sinh không có cảnh giới kia, vì thế màu sắc sâu lại ở sau cùng.

Lại nữa, giống như vải sạch ở thế gian, trước ăn màu nhuộm, sau cùng đen là màu nhuộm cuối cùng, vì đậm nhất cho nên không thể thêm nữa, do đó ở sau cùng, nghĩa màu sắc Mạn-đồ-la cũng giống như vậy. Trắng nghĩa là vượt một trăm sáu mươi tâm dơ, đây gọi là sắc tín cho nên trước tiên. Đỏ nghĩa là siêng năng mạnh mẽ, là màu sắc tinh tấn cho nên xếp vào thứ hai. Vàng nghĩa là khi nhất niệm tương ứng, định tuệ ngang nhau, “thất giác” khai mở, ấy gọi là sắc niệm, vì thế ở thứ ba. Xanh nghĩa là Đại không Tam-muội, đó gọi là sắc định cho nên xếp vào thứ tư. Đen nghĩa là đại Niết-bàn, tức là tuệ rốt ráo của Như lai, ấy gọi là sắc tuệ, vì thế ở thứ năm. Hoặc có thuyết nói rằng, màu trắng đầu tiên, màu vàng thứ hai, đỏ xếp vào thứ ba, xanh ở thứ tư và đen xếp vào thứ năm, đây là y theo sự dung nạp sâu cạn mà có chứa nghĩa hữu thượng.

Lại trắng nghĩa là tín cho nên trước hết, vàng giống như Kim cang không thể phá hoại cho nên nghĩa tấn, do đó xếp vào thứ hai. Đỏ nghĩa là chướng tâm trừ sạch, hòa quang chiếu bày, đó nghĩa là niệm, vì thế thứ ba, ngoài ra như trên đã giải thích, pháp môn nêu bày đều khác nhau.

Lại nữa, trắng là màu sắc vắng lặng tai nạn, nghĩa Như lai Bộ, do đó đứng đầu tiên. Vàng là màu tăng ích, nghĩa Liên Hoa bộ, vì thế xếp vào thứ hai. Đỏ là màu hàng phục nghĩa Kim cang bộ cho nên ở thứ ba.

Xanh là thành tựu các việc, cũng sinh ra hình dáng tùy loài, cho nên xếp vào thứ tư. Đen nghĩa là thâm nhiếp kêu gọi, tức là các vị vâng lời chỉ dạy đã làm các việc như phần nộ... do đó xếp vào thứ năm.

Lại nữa, như ở thế gian màu sắc vẽ không ngoài năm màu, nhưng còn có các màu liên quan với nhau đậm nhạt khác nhau. Người trí tuệ khéo léo, giỏi chia bày, sinh thành muôn hình tượng không có cùng tận, màu pháp giới không thể suy nghĩ bàn luận cũng giống như vậy. Nói tóm lại không quá năm tự môn, nhưng cũng lại cùng nhau phát huy thành các thứ trí ẩn khác nhau. Như lai dùng Phổ môn khéo léo vẽ bản đồ bi sinh Mạn-đồ-la cho đến sinh ra các hình tùy theo loại nhiều như số cát bụi trong thế giới còn không cùng tận, hoặc người tu Du-già hoặc người được ý trong đây, phải xúc chạm với nhiều loại tự tại để làm, trong vắng lặng chân như sẽ ở thứ mấy? Như trong kệ đã nói: hãy nêu tất cả pháp môn và đưa ra cương lĩnh ấy.

Kinh chép: trước đặt bày màu bên trong không đặt bày màu bên ngoài. Về phương pháp vẽ đồ tượng, trước phải kiến lập trong tâm Bí Mật Liên Hoa tạng xong, kế đến lập lớp thứ nhất ba điểm chữ y và các quyển thuộc bên trong. Tiếp theo làm lớp thứ hai bốn Bồ-tát... và các đại quyển thuộc. Cho đến lớp quyển thuộc thứ ba là cõi trời và cõi người. Lại các đường ranh giới, ở giữa đến lớp thứ nhất phải đủ năm màu.

Trước hết, lấy màu trắng làm ranh giới chung quanh xong, sau ở ngoài màu trắng rào ranh giới màu đỏ, ngoài màu đỏ rào màu vàng, lại ngoài màu vàng rào màu xanh, lớp ngoài cuối cùng lại rào màu đen. Lớp thứ hai kia, cũng như trên thứ lớp mà rào ba màu trắng, đỏ, vàng. Lớp thứ ba ranh giới chung quanh chỉ rào toàn một màu trắng, đều cho thật đều nhau và ngay thẳng, lần lượt xoay theo chiều bên phải mà rào, những đường ven ở ngoài chỗ cúng dường và đường đi kia, tùy theo làm ranh giới hoàn toàn một màu. Cù-hê (hê) nói chỉ dùng màu trắng. Sở dĩ trước dùng màu trắng, từ trong đến ngoài là vì ở đây nói năm thứ căn lực của tâm Bồ-đề dần dần rộng lớn, cho đến trụ trong Đại Bát-niết-bàn thì khắp mọi nơi không có chỗ nào không trụ, màu đen ở đường ngoài cũng vậy. Nếu từ cạn đến sâu theo dấu vết trở về nguồn gốc thì Thế-tôn trở xuống đồng sáu đường làm quyển thuộc sơ tâm, khai phát tâm Bồ-đề thanh tịnh.

Nếu khi chúng sinh nhập minh môn này, vượt qua một trăm sáu mươi tâm thì đã vượt khỏi địa vị Bồ-tát ở thế gian. Vì thế, lớp thứ ba Mạn-đồ-la chỉ lấy màu trắng làm ranh giới. Lớp thứ hai Mạn-đồ-la ở

trên màu trắng lại thêm màu đỏ, màu vàng; màu đỏ là hết sức mạnh mẽ trong tâm Bồ-đề tiến tu muôn hạnh, màu vàng là nhớ nghĩ Như lai muôn đức mở bày.

Bấy giờ, liền nhập cửa màu nhiệm nhiều lớp ở cõi Tịnh quang cho đến gần bờ xứ vì còn không biết một người. Do đó, ở lớp thứ hai chỉ dùng ba màu làm ranh giới. Lớp thứ nhất Mạn-đồ-la, ở trên ba màu lại thêm màu xanh và màu đen. Xanh là Đại không Tam-muội, có chỗ nói thân, miệng, ý mật Như lai gia trì không cùng tận nên làm màu đại hư không. Hắc nghĩa là thân Như lai tuổi thọ thường trụ, thân nhiệm mầu như thế rất ráo vô hình tượng, cho nên có màu đen đậm.

Hai câu này là bí mật của Như lai, không khắp vì tất cả chúng sinh cho nên nói là môn quyến thuộc. Lại khi nhập màu sắc đen đậm tức là Thai hoa tạng trong tự chứng của Như lai.

Bấy giờ, thấy màu năm trí đều giống màu sắc cả pháp giới, làm gì có đậm nhạt khác nhau mà chúng sinh có người chậm nhập vào, có người vượt lên, có người đốn nhập. Như thế chỗ kia cuối cùng đồng trở về, do đó nói tất cả đều đen đậm.

Kinh chép: Kiến lập Tiêu xí Môn, lượng đồng với trong Thai tạng, sương vệ cũng giống như vậy, đài hoa mười sáu cánh, ở hai cửa Mạn-đồ-la, đều dựng ngọn cờ để làm cờ nêu gọi là Tiêu Xí Môn, hai cây cách nhau chừng một thước, phải dựng cho ngay thẳng đều nhau ở trong Thai. Trên đặt cây nằm ngang, chiều rộng cũng giống như vậy, trên cột cờ đều đặt mặt trắng nằm giữa, dưới mặt trắng đặt hình tượng lá cờ. Dùng vải lụa cắt ra thành miếng vuông, có thể ở góc lấy xé ra làm hai lá, mỗi lá treo ở ngoài cột cờ, trên nhọn rũ xuống. Bốn góc bên cũng đặt cột cờ và mặt trắng nằm giữa, cờ nêu kia đặt ở hai hướng, trong cửa đại đồng mãnh trên mặt trắng nằm giữa đều đặt ngọc như ý, cửa Kim cang thủ trên mặt trắng đều đặt Thương Khư, trên bốn góc kia đều đặt vật báu, chỗ cửa giáp sương vệ như hình chữ á.

Ở đường chung chính giữa, mỗi mé cong đều đặt que Kim cang, đầu que như một bộ phận hình Bạt-chiết-la, lưỡi kia nhọn sắc, một chái nhà sáu que, hai bên gồm mười hai que, bốn cửa và bốn góc gồm có hai mươi tám que. Ba lớp so sánh theo đây có thể biết, cùng đầy đủ chỉ năm màu, đều dùng chân ngôn bất động hoặc chân ngôn hàng tam thế, gia trì một trăm lẻ tám biến hoặc một ngàn lẻ tám mươi biến, A-xà-lê ngày đêm tác pháp đã vẽ Mạn-đồ-la xong.

Trước quán trong thai và viện thứ nhất biết quan hệ không ít, tức là que Kim cang dưới. Dùng que Kim cang kia vây bọc chung quanh đến

chỗ cửa chung thì dừng lại không cần cắt ngang, ba lớp đều đặt như vậy. Nếu không thể như thế thì ở viện thứ ba chắc chắn phải đầy đủ pháp này, không được thiếu sót, đến chỗ cửa chung, phải đưa chỉ tùy theo cửa mà quán, cong lại đưa lên, không để quá đầu. Đã kết giới xong, phải theo cửa ra vào không được liền vượt qua chỗ khác, mỗi khi ra vào vẫn phải tụng chân ngôn bất động. Nếu là A-xà-lê Du-già thì cũng có thể đi chung quanh lấy chỉ quán, nếu khi phải ra vào thì nghĩ tưởng đưa chỉ này xuống thấp mà qua, qua rồi liền trở lại như cũ. Hoặc cách xa cửa gấp cần ra vào thì phải quán thân mình là Tỳ-lô-giá-na dùng thân không quá ngại, không được nghĩ là vượt qua chỉ, tùy ý ra vào không có lỗi. Giữa sáu cây cọc chỗ quay lại đều khiến thước đo dừng lại. Vẫn phải đi con đường chung qua lại giới viện. Ở hai bên chái nhà cửa cửa ngoài cùng cũng bằng với trong thai, cho nên nói “sương vệ” cũng giống như vậy. Đài hoa là chỗ quán đánh, quy chế đàn liên hoa, hoàn toàn giống như trong thai tạng tám cánh, rất nhỏ bằng mười sáu ngón tay, các nghĩa khác dưới đây sẽ nói lại. Chỉ mở một cửa, cửa ấy sao cho hướng về đàn lớn. Kệ nói: Nên biết cửa ban đầu kia, cùng trong đàn bằng nhau, nghĩa là tướng cửa lớp thứ nhất, phải y theo chín phần mà làm cho rộng hẹp ngay thẳng, khiến đường chính trong cửa ngang xứng với tim hoa tạng. Ngoài ra lớp thứ hai, thứ ba cũng lấy đây để y theo mà chia, tự nhiên dần dần rộng thêm đều được vừa chừng. Ở lớp thứ hai trong cửa chái nhà đặt hai anh em rồng đầu đàn, Nan-đà ở phía Nam, Bạt Nan-đà ở phía Bắc. Kia còn dùng các thứ báu trang nghiêm, đại khái giống như phẩm vị bí mật Mạn-đồ-la. A-xà-lê nói nếu làm bí mật thích thì bốn phương hướng cùng ngay thẳng bằng nhau, đó nghĩa là bốn Niệm xứ, bốn cửa là bốn Tịnh lự cũng là bốn Nhiếp pháp, xa cửa là bốn Phạm trụ, chái gốc là bốn Chánh cần, bốn Duy là bốn Chân đế. Cọc Kim cang tức là Tu-đa-la. Lấy dây gắn liền ba mươi bảy phẩm trợ đạo làm thành pháp môn. Vì thế, tướng nêu ngoài cửa lượng dài ngắn rộng hẹp, đều giống trong thai, là nói tất cả pháp môn của Như lai đều tương xứng với pháp giới cho đến không thêm bớt mảy may, lại hiệp với chỗ thực hành Trung đạo, ngay trung tâm đài hoa sen tướng thật, dấu vết Phổ môn kia xa lại càng rộng, cho nên nói người trí ở ngoài viện dần dần tăng thêm.

Kệ nói: Nói lược Tam-ma-địa, nhất tâm trụ ở duyên: Từ đây trở xuống là trả lời chi phần Mạn-đồ-la, nếu người chưa tu Du-già thì không được làm A-xà-lê, do liên quan chi phần cho nên pháp sự không thành. Trong kinh, trước hết giải thích lược danh nghĩa Tam-muội, sau nói sâu

rộng. Ban đầu giải thích sơ lược: Nghĩa là tâm buộc duyên vào một cảnh mà không rong ruổi tán loạn, đó nghĩa là “đăng trì”.

Do đó, kệ nói: Nói lược Tam-ma-địa, nhất tâm trụ vào duyên, hơn nữa nhờ có tướng Du-già, tự có ba thứ thượng, trung, hạ. Thượng nghĩa là quán thân Như lai Tỳ-lô-giá-na... trung nghĩa là quán thân các Bồ-tát như Văn-thù-sư-lợi... hạ nghĩa quán thân Nhân-đà-la... và tùy loại, tất cả đều như Mạn-đồ-la đã chỉ bày, hình sắc, oai nghi, bí mật, cách thức, hoặc ấn, hoặc tự, chỉ nhất tâm trụ vào duyên không để tán loạn, đó là môn Tam-muội của vị ấy. Tóm lại, như hải hội Tam-muội-da các vị Thiện tri thức nhiều như số cát bụi trong cõi Phật, đều nhập một thứ pháp giới Tam-muội môn. Nếu nhìn toàn bộ đại chúng Phổ môn như thế, nhất tâm trụ duyên không còn tán loạn thì đó là Phổ nhân Tam-muội môn, cũng gọi là Phổ môn thế giới Tam-muội môn.

Như một môn và tất cả môn, hoặc nhập Tam-muội môn thuộc bộ Chánh biến tri, hoặc chỉ nhập Tam-muội môn thuộc bộ Liên Hoa, hoặc chỉ nhập Tam-muội môn thuộc bộ Kim cang, hoặc do Bồ-tát Văn-thù và các quyến thuộc đều khắp nhóm họp làm thành một “Tam-muội môn”. Ba vị Bồ-tát khác cũng giống như thế, tùy theo tâm lượng tu hành của vị lớn hay nhỏ mà các thứ khác nhau. Hành giả tu tập Du-già, hoặc quán bốn tôn, hoặc quán bí mật ấn, hoặc quán chân ngôn có các cảnh giới hiện ra, không giống với bản quán thì đều là tà kiến.

Như ở trong định hoặc thấy ánh sáng mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao đẹp, hoặc thấy hoa sen chúa lớn đầy khắp hư không, hoặc thấy cây báu lâu gác tốt đẹp trang nghiêm, giống như cung điện cõi trời và các cõi thanh tịnh, hoặc bỗng nhiên không còn có tướng thân tâm nữa, hoặc thấy các Đức Phật, Bồ-tát vô lượng đại chúng, hoặc nghe các âm thanh kỳ lạ, hoặc thấy treo ngược ở dốc núi cao đến ngục Vô gián. Do không nương gốc sở duyên, nên đều không nên chấp lấy, chỉ cần nhất tâm ý bình thường, dù được tương ứng với cảnh giới trong định nhưng cần phải tu quán sát sâu về mười câu duyên sanh, không nên mê đắm vị ấy. Hoặc thấy cảnh giới kỳ lạ cho là tốt đẹp mà chấp trước gọi là ngã mạn định, cũng gọi là kiên chấp định, nhưng khi tương ứng với chánh quán tự nhiên được thấy vô lượng cõi Phật, Phật trong đây, nghĩa là trăm ngàn các việc, cõi là chỗ thanh tịnh. Khi tương ứng như thế, thì biết từ trước đến nay các sự tướng đều là nhân duyên, do nhân duyên như vậy cho nên có sự tướng, không do người khác ngộ mà không bị chướng ngại.

Lại nữa, thâm bí giải thích: Nghĩa là đối với mỗi thân tướng chân thật trong pháp môn của Thiện tri thức, tâm trụ vào duyên không sinh

vọng tưởng nói suông, đó nghĩa là “đăng trì”, như nhập vào tự môn A nhất niệm pháp giới, là Tam-muội Tỳ-lô-giá-na, đối với pháp Liên Hoa ấn nhất tâm bất loạn, là Tam-muội Quán tự tại, đối với Kim cang tuệ nhất tâm bất loạn là Tam-muội Bí Mật Chủ, cho đến các Tôn vị Phạm, Thích đều đối với nhất pháp giới môn mà được tự tại. Nếu đối với thân giải thoát kia, một duyên không tán loạn gọi kia là Tam-muội Tịnh Thiên Nhân. Nếu đối với đại Bi Tạng Vân Hải được nhất tâm bất loạn, gọi là Tam-muội phổ nhãn, cũng gọi là Tam-muội Phổ hiện sắc thân, nếu Như lai trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp giảng nói nghĩa sâu rộng trong đó còn không cùng tận. Nay muốn dùng hai bài kệ thâm nhiếp, để nghiên cứu cùng tận không còn thừa.

Cho nên nói nghĩa rộng lại đặc biệt, mọi người đều nghe kỹ. Trong đây lại (có) hai: trước là nói Tam-muội ấn của Như lai, sau nói Tam-muội đạo trung sai biệt ấn. Kệ nói: Phật dạy tất cả không: tức là nhập tự môn A, cho đến không có một pháp nhỏ nào thật có, cũng không có tướng “Định” gọi là Tam-muội, trụ nhất tâm pháp giới như thế, gọi là chân chính hiểu “Đăng trì”. Vì sao? Vì nếu ra khỏi tâm tánh này, ở ngoài có cảnh giới có thể duyên thì không phải cảnh thường trụ, vì khi bốn tướng thay đổi thì tâm trụ duyên cũng phải chuyển động theo cảnh giới, làm sao gọi là định?

Vì thế cho nên chân chính hiểu biết Tam-muội là biết các pháp vốn không sinh, thì ai là người tâm tự chứng tâm, tâm tự biết tâm, từ xưa đến nay, thường như thật tế không có biến đổi, tức là do tâm tự trụ như vậy, duyên như vậy, cho nên gọi là “đăng trì”, đây chính là Bản Tôn Tỳ-lô-giá-na đã hiện kho vô tận trang nghiêm, cũng không xa lìa Bản Tôn như vậy. Nếu người quán khác đều gọi là tà quán, cho nên kế là nói Tất định ấn rằng, Tam-muội chỉ chứng tâm không từ duyên khác được, nếu căn cứ vào bản Phạm nói thực thì phải nói kia càng không có đặc khác, ý nói lại không từ chỗ khác được.

Kế là nói: cảnh giới kia như thế, tất cả định Như lai: như kinh Đại Bát Niết-bàn chép: Tất cả người có tâm, thấy đều có Phật tánh, Phật tánh này tức là định Thủ-lăng-nghiêm, cũng gọi là Tam-muội Kim cang, cũng gọi là Bát-nhã ba-la-mật, đạo của các Đức Phật đồng nhau không còn đường nào khác. Nếu người tu hành khi mới phát tâm, có khả năng chánh quán tâm tánh thì cũng gọi là nhập định Như lai, đâu nhọc gì dần vượt tứ xứ, mới đến rốt ráo.

Lại nữa, người tu Du-già, nếu mong oai thần các Đức Phật che chở, cho đến ở trong Tam-muội, thấy đủ các chúng nhiều vô lượng

trong mười cõi Phật và Vô lượng Thánh Tôn ba thứ mật ấn, không lẫn lộn nhau, hoặc lại nhất tâm bất loạn chuyển thành tự thân, tuy là lạ lùng đặc biệt khó suy nghĩ, do còn có tướng có duyên nên gọi là Tam-muội thế gian. Nếu khi Tam-muội này hiện ra, hành giả quán sát Mười câu duyên sanh trừ hết tất cả vọng tưởng lời nói vô nghĩa, tương ứng với không tịch thì liền ngộ hải hội Mạn-đồ-la như thế, thấy đều từ các duyên sinh, như hình trong gương, trăng đáy nước, thành Càn-thát-bà... quán sát không có tánh tướng, ấy gọi là Tam-muội xuất thế gian, nhưng vì còn mắc bệnh “không” chưa không, do đó chưa được gọi là đại không, đến khi ngộ đạo tràng được tự chứng tâm tánh, thì biết những cảnh giới gia trì ấy đều là nói thật của tâm, bấy giờ, tâm không trụ tướng, cũng không nương không, lại soi thấy không và bất không, rốt ráo vô tướng mà đủ tất cả tướng, vì thế nên gọi là Tam-muội đại không. Trụ Tam-muội này tức là trụ trong tuệ vô chướng ngại của Phật.

Phật dạy: người này trí Nhất thiết trí rốt ráo tròn đầy, cho nên kinh chép: Đại không đầy đủ Tát-bà-nhã.

Quyển thứ hai của kinh này trước hết nói: Bấy giờ, Đức Thế-tôn Tỳ-lô-giá-na cùng tất cả các Đức Phật đồng nhóm họp, mỗi Đức Phật đều nói tất cả đạo lý Tam-muội của Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát: Như lai đã nói rốt ráo tam không Tam-muội ấn, là giúp người của phổ môn tiến lên không có giữ lại. Lại nói Tam-muội đạo trung sai biệt ấn, ba lớp Mạn-đồ-la đã chỉ bày các loại hình, đều là một thứ pháp môn thân của Như lai, thế nên đều gọi là Phật, tất cả các Đức Phật này đều từ gốc mà lưu thông pháp môn, tự nói đạo lý Tam-muội kia, nếu đời nay thân ở cõi trời thì nói đạo lý Tam-muội ở cõi trời ấy.

Nếu hiện thân Thanh văn thì nói đạo lý Tam-muội của Thanh văn, nếu hiện tại thân Bích-chi-Phật thì nói đạo lý Tam-muội Bích-chi-Phật, nếu hiện tại thân Bồ-tát thì nói đạo lý Tam-muội Bồ-tát. Nếu hiện tại thân Trì Kim cang thì nói Tam-muội Kim cang đạo. Phải biết kệ tụng trong đây rất nhiều như cát bụi trong cõi nước, kinh điển mà thế gian kết tập không thể ghi chép hết được, nhưng nếu khi người tu hành nhập sâu cảnh giới Tam-muội Du-già tự sẽ nghe biết rõ ràng, như khi đang nói không khác, vì thế cho nên gọi là Phật Đại Nhật gia trì.

Kinh chép: Bấy giờ, Đức Phật nhập vào Tam-muội Nhất thiết Như lai nhất thể tốc tạt lực: nghĩa là khi nhập Tam-muội này thì biết thể tất cả Như lai đồng nhất pháp giới, trong một niệm có thể lần lượt quán sát Tam-muội môn giống như cát bụi trong vô lượng cảnh giới, biết bao nhiêu chúng sinh như vậy, như vậy, ở trong vô lượng Tam-muội môn

kia nên được nhập đạo, biết Thiện tri thức kia, đã vì bao nhiêu chúng sinh tạo nên hạt giống nhân duyên, hoặc có chúng sinh nhập pháp môn như vậy, có thể được vượt lên thành Phật, nhập pháp môn khác, chìm đắm dài lâu không được thành Phật. Như vậy các căn tánh khác nhau, phương tiện tiến đến cũng khác theo, cho đến đạo chơn trong đó, lần lượt tu tập ra vào xuất thế gian, đối với mỗi môn đều được thành tựu vô lượng chúng sinh, do đó gọi là Tam-muội Nhất thể tốc tạt lực.

Bấy giờ, Thế-tôn quán sát khắp rồi, biết rõ các thứ đạo lý Tam-muội đồng trở về nhất thể, đều là Phật thừa, lại vì Chấp kim cang nói tắt cả đạo lý Tam-muội thành Bồ-đề ấn, trước hết có hai bài kệ nói về dấu vết ngoài của việc thành Phật. Nghĩa là Đức Phật lúc mới ngồi ở đạo tràng dùng Tam-muội nhất thể tốc tạt lực này hàng phục các chúng Thiên ma, nhưng trong đó còn có chỗ khó hàng phục, cái gọi là ma phiền não... không có hình tướng nơi chốn cũng không có dấu vết, khó có thể giác biết, ở trong một niệm cũng đều diệt hết, vì thế nói hàng phục bốn ma.

Dùng âm thanh rất mạnh mẽ: nghĩa là Đức Phật dùng lời thành thật bảo ma Ba-tuần: Ta trong vô lượng vô số kiếp vì điều phục chúng sinh nên xả bỏ thân mạng không thể kể số, mà nay đều đã thành tựu, có căn cơ nhập đạo ta sắp chứng Bồ-đề, mở bày mắt sáng cho các chúng sinh kia, thế lực của ông có thể cản trở được? Khi nói lời ngay thẳng này, tất cả chúng sinh đều dứt lo sợ, thiên ma bất tỉnh ngã xuống đất, thảy đều lụi tan. Nếu có chúng sinh thọ trì tam giác ấn như thế cho đến trừ vô lượng sợ hãi trong ngục Vô gián, hưởng chi là sợ Thiên ma quỷ thần hay sao? Do đó nói dùng âm thanh rất mạnh mẽ dứt, trừ sợ hãi cho chúng sinh. Bấy giờ, thần đất vui mừng xoay vần khen nói, âm thanh vang đến cõi Tịnh Cư, khi ấy, Đại phạm thiên... tám bộ chúng sinh đều thấy dấu vết hàng phục ngoài ma này, cho nên có tên hiệu là Đại Cần Động.

Nhưng chỗ ta thật thành Phật thì các chúng kia không thể suy lường được. Cho nên tiếp theo có hai bài kệ nói thật nghĩa Bồ-đề: Bản giác ta không sinh nghĩa là biết tự tâm xưa nay không sinh, tức là thành Phật, mà thật không giác không thành. Tất cả chúng sinh không hiểu biết thường vắng lặng như vậy. Do ý tưởng phân biệt nên quấy nói có sinh, luân hồi sáu nẻo không tự ra khỏi. Nay tuy nghe lời chánh pháp trở lại ở trong các việc hữu vi, mưu tính tìm cầu trông mong thành Phật, lý làm sao có được, vượt qua đạo lý lời nói ấy, từ đây trở xuống đều là chuyển giải thích tự môn A bản giác không sinh tức là Phật, pháp Phật

tự chứng không phải suy lường phân biệt mà có thể đạt đến, cũng không thể truyền trao cho người. Luận Trí Độ chép: Lời nói hết rồi, ý không chỗ hành.

Các lỗi được giải thoát: Tất cả vọng tưởng phân biệt gọi là lỗi, tức là các lời nói vô nghĩa, sinh diệt, đoạn thường, một khác, qua lại. Vì không biết tướng thật các pháp, thấy đều đáng phá đáng chuyển. Nếu hiểu các pháp vốn không sinh thì đối với tất cả tội lỗi như thế đều được giải thoát, vì thế thân Kim cang xa lìa trăm phi.

Xa lìa các nhân duyên: nếu thể pháp giới có tướng sinh diệt thì có nhân duyên đáng được giảng nói. Nhưng nay pháp từ duyên sinh thì không có tự tánh. Nếu không có tự tánh thì đó là xưa nay không sinh, nhân duyên hòa hợp thì cũng không phát khởi, nhân duyên chia lìa thì cũng không có cùng tận, thế nên như hư không thanh tịnh, không bị biến đổi. Đại kinh cũng chép: Chỉ có Như lai lìa các nhân duyên. Biết “không” bằng với hư không: Xưa nay không sinh tức nghĩa là “không” rốt ráo. Vì tự tánh thanh tịnh không bờ mé, không phân biệt, do đó đồng với đại không, cho nên để thế gian dễ hiểu “không” nên thí dụ “không” không thể suy nghĩ bàn luận.

Sinh trí như tướng thật: Tướng thật của tâm, tức là Tỳ-lô-giá-na khắp mọi nơi chốn. Khi Phật ngồi đạo tràng như pháp tướng hiểu biết, các kiến chấp không đúng như thật thấy đều không còn. Vì thế cho nên, Tuệ Tát-bà-nhã đồng với hư không. Đã lìa tất cả tối tăm: Đối với tất cả pháp tướng không biết đúng như thật, tức là vô minh, cho nên khi giác vốn không sinh, tức là nói sinh khắp pháp giới, dùng Nhất thiết chủng quán tất cả các pháp, đều thấy, nghe, hay, biết.

Thật không dơ bực nhất: Đây là nhất thật sự, không còn gì cao hơn, gọi là mé thật bậc nhất. Cái gọi là tự tánh thanh tịnh tâm, do lìa tất cả tối tăm, tri kiến Phật không còn dơ bẩn, đều là chuyển giải thích nghĩa vốn bất sinh.

Kế là có hai câu kết nói rằng: các đường chỉ tưởng danh Phật tướng cũng giống như vậy. Nói chúng sinh trong sáu nẻo đường cùng Đức Phật Tỳ-lô-giá-na vốn không hai thể, chỉ là tùy theo các thứ vọng tưởng của chúng sinh, mà lập các thứ tên gọi mà thôi, Phật cũng giống như vậy. Tất cả đệ tử ở thế gian, thấy dấu vết thành đạo, hàng phục ma chúng, phương tiện độ người của ta, tùy theo tâm tướng kia mà khen ngợi giảng nói, hoặc nói đại Sa-môn, hoặc nói đại cần đồng, cho đến kinh Hoa Nghiêm nói: Trong một thế giới có vô lượng tên khác nhau, chẳng nói tự chứng đối với pháp, như kia đã nói có thể chỉ bày. Kế là

một bài kệ lại giải thích chung về thế đế, nói nguyên nhân khởi giáo, cho nên nói: Mé thật bậc nhất này, nhờ năng lực gia trì, vì độ các thế gian mà dùng văn tự để nói, nghĩa là dùng Phật nhãn quán sát các thứ danh ngôn ấy, lại cũng không ra ngoài mé thật bậc nhất, nhưng nhập đạo nhân duyên của các chúng sinh đều khác nhau. Nếu phải dùng lời nói văn tự mới được độ thì Như lai không động mé thật, dùng thần lực tự tại, gia trì thanh tự kia mà giảng nói. Nếu chúng sinh như pháp tu hành, khi được tương ứng với tam mật thì biết thế đế không khác Đệ nhất nghĩa đế.

Kinh chép: Bấy giờ, Chấp kim cang đầy đủ đức, được điều chưa từng có khai mở tuệ nhãn, đánh lễ bậc Nhất thiết trí, mà nói kệ: Cụ đức nghĩa là đầy đủ tất cả công đức bí mật trang nghiêm của Như lai, giống như khi hoa sen lớn lên đầy đủ, được ánh sáng mặt trời chiếu đến, tự nhiên nở ra đẹp đẽ đáng yêu. Chấp kim cang cũng giống như vậy, tâm nhãn hoa sen gặp ánh sáng Bồ-đề ấn, nở tròn rõ ràng đầy đủ các đức, đầy đủ vẻ đẹp rõ ràng ở bên trong và hình dáng bên ngoài, cũng có tướng mắt hoa sen xanh mở ra, mà nói già-tha hiểu rõ ý chỉ trước.

Trước hết nói: Các Đức Phật rất ít có, quyền trí không thể suy nghĩ bàn luận: vẫn còn bản Phạm nên nói tất cả các Đức Phật ít có, trí phương tiện không thể suy nghĩ bàn luận.

Trí: Nghĩa là hiểu rõ giác vốn không sinh trong bài kệ trước, phương tiện nghĩa là hiểu rõ thần lực che chở trong bài kệ trước.

Lại nữa, trí là đài hoa sen tâm đầy đủ, phương tiện nghĩa là nhụy cánh nở tròn, đầy đủ hai thứ không thể suy nghĩ bàn luận, cho nên nói ít có.

Lại nói lia tất cả lời nói vô nghĩa, pháp Phật tự nhiên trí: đó là rộng khen ngợi trí không thể suy nghĩ bàn luận mà vì thế gian nói, đầy đủ các ước nguyện: ấy là rộng khen ngợi “phương tiện” không thể nghĩ bàn luận. Nếu pháp nương thầy mà được, từ nơi các nhân duyên sinh tức là tướng nói lời vô nghĩa sinh diệt, không phải pháp tánh, tuệ tự nhiên của Đức Phật, nếu là tuệ tự nhiên thì không phải do tu học mà có, cũng không thể trao cho người, như nội chứng vị cam lồ cõi trời, dù cho dùng mọi cách nói cho người chưa nếm nghe cũng không thể hiểu được. Nhưng Đức Phật dùng năng lực phương tiện lớn, dùng pháp thân vô tướng làm thành danh tướng gia trì, giúp các chúng sinh theo pháp nhân quả chứng được pháp chẳng phải nhân, chẳng phải quả, do đó, nói đủ hai tuệ quyền, thật không thể suy nghĩ bàn luận.

Lại nói: tướng chân ngôn như vậy thường nương vào hai đế: là kết

thành hai trí không thể suy nghĩ bàn luận, hiểu rõ ý Nhị Đế ở văn trên lập ra, do biết danh tướng tức là mé thật có thể đem thực tế (mé thật) gia trì mà làm thành danh tướng, vì biết cạn lược tức là sâu xa, có thể từ sâu xa làm thành cạn lược, tùy theo nghiệp lợi mà chúng sinh thành tựu, đều chân thật không luống dối, nếu khi hiểu được thế đế này, tự sẽ thông đạt Đệ nhất nghĩa đế, do đó nói các Đức Phật nói pháp thường nương vào Nhị đế.

Kể có một bài kệ nói: Tin, hiểu, Bồ-đề ấn của Phật được vô lượng nhóm phước, cho nên nói: nếu có các chúng sinh hiểu biết giáo pháp này, người đời nên cúng dường cung kính giống như Chế-đế (tháp), chế-đế là nói nương ở xá-lợi sinh thân, cho nên đó là phước thâm của các vị trời và người đời, thấy đều cúng dường. Nếu người tu hành tín nhận, nghĩa ấy thì tức là chỗ nương tựa của pháp thân xá-lợi, xứng đáng được tất cả thế gian cung kính cúng dường.

Lại nữa, tiếng Phạm Chế-đế cùng Chất-đa thể giống nhau. Bí mật ở trong đây. Nghĩa là tâm là tháp Phật, như Mạn-đồ-la thứ ba, lấy tự tâm làm nền, lần lượt tăng thêm, cho đến sắc Niết-bàn trong thai, cao nhất trong đó, do đó chế-đế này rất cao, lại từ tám cánh trong thai tạng lần lượt tăng thêm, cho đến tùy theo loại thân phổ môn thứ ba, không chỗ nào không khắp, vì thế chế-đế này rất rộng. Đài hoa sen Đạt-ma-đà-bộ cái gọi là xá-lợi pháp thân. Nếu chúng sinh hiểu tâm Bồ-đề ấn này tức đồng với Tỳ-lô-giá-na, do đó nói: thế gian nên cúng dường giống như kính chế-đế.

Kinh chép: khi Chấp kim cang nói kệ này rồi, nhìn kỹ Đức Phật Tỳ-lô-giá-na mắt không tạm rời, ngồi im lặng, khi Chấp kim cang đã nghe rõ ráo Tam-muội ấn, muốn hỏi ấn sai biệt trong đạo lý Tam-muội, nếu đem lời nói bạch Phật thì sợ trái với chỗ chí lý, vì thế im lặng một lòng nhìn Phật mà ngồi, tức là phải phát khởi lời hỏi rất sâu.

Lại nữa, Chấp kim cang đứng im lặng là muốn chỉ bày nghĩa Như lai soi chiếu căn cơ, như bình thường giáo đã truyền nói Đức Phật ngày đêm ba thời quán chúng sinh nào đáng giáo hóa mà độ thoát, đây là tùy theo tâm lượng Thanh văn tự nói như vậy mà thôi. Nếu Phật nhãn quán rồi mới thấy, không quán thì không thấy gì cả, khi quán thì trí tuệ sinh, không quán thì trí tuệ không sinh, đó là cảnh sinh diệt, sáng tối, không được gọi là bình đẳng đại tuệ. Vì Như lai vô tướng, vô phân biệt, tuệ pháp như thế, không ngăn ngại, thường soi chiếu căn duyên pháp giới, như biển lớn thủy triều không bao giờ quá, thế nên Kim Cang Thủ thích hợp các căn cơ có thể truyền, Như lai liền giảng nói cho họ nghe, không

đợi hỏi mới trả lời.

Lại nữa, kim cang thủ hiểu rõ thế đế tức là Đệ nhất nghĩa đế, chỗ đang làm không khác chỗ rốt ráo, vì thế im lặng không nói. Như lai biết rõ Đệ nhất nghĩa đế tức là “thế đế”, chỗ rốt ráo cuối cùng không khác chỗ đang làm. Do đó không phân biệt nói, vì muốn giúp chúng sinh thông đạt tướng nhị đế, lại cùng phát minh, thật đồng quy nhất trí. Y theo chỗ Như lai trả lời lược có bốn câu. Câu thứ nhất nói: Lại nữa, Bí Mật Chủ: Bồ-tát Nhất sinh bồ xứ, trụ Phật địa Tam-muội đạo, xa lìa sự tạo tác, biết tướng thế gian, trụ trong nghiệp địa đứng vững trong Phật địa, đây là địa vị quán đảnh bậc nhất, cho nên nói trước, như trong các kinh khác đã nói, đây là Bồ-tát Nhất sinh sở hệ, từ đây sinh lên cõi trời Đâu-suất, sau đó nối tiếp địa vị Phật, do đó gọi là Nhất sinh bồ xứ. Khi mới được tâm Bồ-đề thanh tịnh từ nhất thật địa sinh khởi vô lượng, vô biên Tam-muội Tổng trì môn như thế, trong mỗi địa lần lượt lớn lên, nên biết cũng giống như vậy, đến Địa thứ mười đầy đủ, cuối cùng đến Địa thứ mười một.

Bấy giờ, từ cảnh giới nhất thật đầy đủ sinh ra tất cả trang nghiêm chỉ thiếu một địa vị Như lai chưa chứng biết, còn có một lần pháp tánh chuyển sinh, liền bỏ vào chỗ Phật, do đó gọi là Nhất sinh bồ xứ, đây là phát tâm Bồ-đề rốt ráo trong tất cả đạo lý Tam-muội.

Lìa các tạo tác: Tác nghĩa là sửa đổi nghiệp địa (đất nghiệp), cho đến trang nghiêm cõi Phật thành tựu chúng sinh. Vì có trí phân biệt tâm nên còn là tướng thế gian, nay Bồ-tát này thực hành Tam-muội Đại không, xa lìa nói rộng (lời nói vô nghĩa) vô cùng nhỏ nhiệm pháp từ duyên sinh, do đó nói xa lìa tạo tác. Như tướng thế gian: nghĩa là biết đúng như thật về mé thật thế gian, rốt ráo không khác mé Niết-bàn, lại có khả năng bất động mé thật, đều thấy nguồn gốc nhân sinh khởi thế gian, cho nên trụ trong đạo Tam-muội này, niệm niệm tiến đến địa vị Như lai, trụ trong nghiệp địa. Tiếng Phạm là Chất-ngôn phải nói là “tác địa”, tức là học sự nghiệp kim cang của Như lai, đều được khéo léo, kinh Anh Lạc cũng nói: Nhập trùng huyền môn, học oai nghi của Đức Phật. Trụ chắc Phật địa: tức là ở địa vị Như lai vững bền không lay động, gọi là trụ. Khác với nghĩa chữ Trụ ở trước. Người đói khát xin nước bỗng nhiên có ao nước trong mát, trong đó không bị chướng ngại, chỉ một lòng tiến lên không có duyên khác, gọi là Tam-muội Bồ xứ, đã đến trong ao trong mát, hy vọng đều hết, cũng là Phật địa. Vì thế, tuy đồng lên là Đại không định mà nghĩa có khác nhau.

Kinh chép: Nay Bí Mật Chủ! Đạo lý Tam-muội của Bồ-tát bát

địa, không được tất cả pháp, xa lìa hữu sinh, biết tất cả như huyễn, cho nên đời gọi là Quán tự tại: như trên đã nói đạo lý Thập địa, nếu lần lượt tiến lên thì phải nói Phật địa, nếu thứ lớp trở xuống thì phải nói Địa thứ chín, vì sao nói Địa thứ tám? Vì tất cả Bồ-tát khi vượt qua Địa thứ bảy, trên không thấy các Đức Phật để cầu, dưới không thấy chúng sinh để độ, nghĩa là trụ đại Niết-bàn đối với muôn hạnh dừng nghỉ.

Bấy giờ, các Đức Phật trong mười phương từ đạo lý Tam-muội này phát khởi tâm kia, được qua vượt đất khó của tâm Bồ-đề, cho nên nói riêng. Từ đây tiến lên Địa thứ chín không nói riêng, từ đây vượt qua hoạn nạn nên không cần nói riêng chỗ thực hành ấn. Từ sơ phát tâm đến nay, quán sâu mười câu duyên sanh khi nhập tánh này vượt qua được “tánh không” ở bờ kia. Do đó nói không được tất cả các pháp, xa lìa hữu sinh, lại dùng phương tiện khéo léo, ở trong như như bất động, khởi vô biên dụng lớn mười duyên sanh, dùng Tam-muội như huyễn đến khắp các cõi Phật mười phương, gần gũi các Thiện tri thức, khắp học vô lượng pháp môn giúp đỡ người, tùy theo các chúng sinh cần những hình tượng, âm thanh, lời nói nào mà được độ thì, đều hiện ra mà nói pháp cho họ nghe, vì thế nên thế gian thấy những việc đã làm như vậy gọi là Quán thế tự tại, đó là tên khác khi mới nhập Tam-muội Liên Hoa. Tự tại trong đây, bản Phạm dịch đúng nghĩa là Phú quý, như người có thế lực rộng lớn, đầy đủ tài bảo, hễ tâm muốn gì đều được thành tựu, Bồ-tát này cũng giống như vậy, dù cho tất cả hữu tình trong các thế giới mười phương, mong cầu các thứ tư cụ thể và xuất thế gian, tùy theo sự mong muốn, các thứ khác nhau của họ, có thể dùng Tam-muội như huyễn cùng một lúc cấp cho đều được đầy đủ theo sự mong cầu của họ, nhưng chưa thể bật dấu vết khởi dụng.

Lại nữa, trong đây nên nói sơ về pháp minh môn Tam-muội đạo, ở trong phẩm trên đã nói, nên không nói lại. Lại như trên đã nói Nhất sinh bồ xứ và Bát địa Tam-muội là y theo pháp môn giáo đạo, mà nói như thế thôi. Nhưng người bí mật thừa đối với thế đế hiện có thể thông đạt Đệ nhất nghĩa đế, từ khi mới phát tâm, liền thực hành đầy đủ Tam-muội Đại Không kia nếu nói như thế không đúng thì trong một đời không thể nhanh chóng đầy đủ các địa.

